

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/DS-ST

Ngày: 11/7/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo;

2/ Bà Trần Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2023/TLST-DS ngày 10/5/2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-DS ngày 03/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Ngọc X, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền cho chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2022, tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, đại diện nguyên đơn là chị P trình bày: Vào khoảng thời gian từ năm 2021 đến 2022, phía chị X có cho chị N vay 02 lần tiền với số tiền tổng cộng là 410.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, chị N đã đóng lãi đến ngày 31/01/2023, thì ngưng không đóng lãi nữa.

Khi đến hạn trả nợ, phía chị X đã nhiều lần tìm đến chị N để đòi nợ nhưng không được.

Do đó, nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc N phải trả cho Chị số tiền nợ là 410.000.000 đồng, trả làm một lần và không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía chị X, Chị không có nợ chị X số tiền nợ là 410.000.000 đồng.

Vào ngày 01/10/2022(AL), Chị có đến nhà của chị X và chị X kêu Chị viết và ký biên nhận nợ của 02 lần nợ và chị X nói khi về nhà sẽ ghi số tiền nợ là 200.000.000 đồng nhưng sau đó chị X về viết số tiền là 300.000.000 đồng cộng với biên nhận trước là 110.000.000 đồng nên tổng cộng 02 biên nhận nợ là 410.000.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ ngày 16/12/2021 và biên nhận nợ ngày 01/10/2022(AL), thì Chị có viết và ký tên vào 02 biên nhận nợ này.

Do đó, nay Chị không đồng ý trả số tiền nợ là 410.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của phía chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị X có đơn khởi kiện đối với chị N. Chị N có địa chỉ tại địa bàn huyện Gò Công Tây nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị X có đơn khởi kiện chị N để tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Điều 463 Bộ Luật dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, phía chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị X, Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền giữa chị X và chị N là có thật. Chị X căn cứ vào 02 biên nhận nợ để khởi kiện và 02 biên nhận nợ này, được phía chị N thừa nhận là Chị có ký và viết họ tên nên chị X có đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với chị N, Chị cho rằng Chị có ký tên vào các biên nhận nợ nhưng khi tên không có ghi số tiền nợ cụ thể mà khi Chị về nhà, chị X mới ghi số tiền vào biên nhận nợ. Cụ thể, ngày 01/10/2022(AL), Chị có đến nhà của chị X, chị X kêu Chị viết biên nhận, không ghi số tiền nợ và sau đó, chị X về ghi số tiền

nợ là 300.000.000 đồng và cộng vào biên nhận trước nên Chị mới nợ số tiền là 410.000.000 đồng chứ thực tế Chị không có nợ số tiền là 410.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị N trình bày như trên nhưng không có cơ sở nào chứng minh nên lời trình bày của Chị không được chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu tính lãi: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm phía nguyên đơn là chị X không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét lời trình bày của phía chị X là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét lời trình bày của chị N là không có cơ sở, không phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị X được chấp nhận nên Chị được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Ngọc X.

Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn trả cho chị X số tiền nợ là 410.000.000 đồng (bốn trăm mười triệu đồng), trả Ný khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị N còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 20.400.000 án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0027099 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.GCT;
- Chi cục THADS H.GCT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

Ngô Vũ Hoài Phương